

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới khi nhà đầu tư lạc quan trước thông tin Fed tiếp tục giữ nguyên mức lãi suất 0%

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm, tương đồng với diễn biến tích cực của chỉ số VN30

## [Thông tin doanh nghiệp]

HPG, GDT

## [Cập nhật công ty]

FPT

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị áp dụng chiến lược linh hoạt bán quay vòng từng phần vị thế ngắn hạn (đã được mở lại theo khuyến nghị trong các phiên trước), khi chỉ số tiếp cận các vùng cản để tối ưu giá vốn cho vị thế nắm giữ trung hạn.

30/08/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,328.14	+1.14
VN30	1,431.05	+0.88
HĐTL VN30F1M	1,432.90	+0.91
HNXIndex	341.30	+0.74
HNX30	570.27	+1.23
UPCoM	93.22	+1.18
USD/VND	22,797	+0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.06	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.66	+15
Dầu (WTI, \$)	67.99	-1.09
Vàng (LME, \$)	1,815.03	-0.14



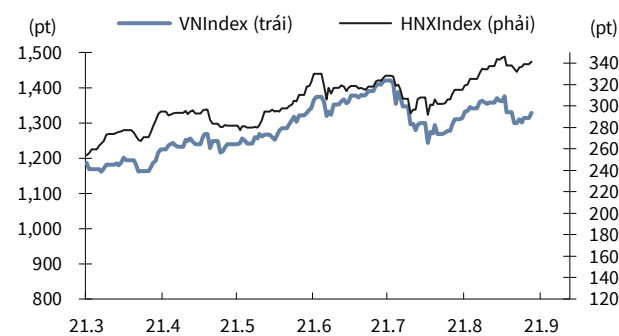
# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,328.14 (+1.14%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>676.5 (+8.6%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>938.4 (-0.1%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>341.30 (+0.74%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>144.2 (+1.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>116.0 (-11.6%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>93.22 (+1.18%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>89.3 (-28.3%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>75.0 (+5.0%)</b>

TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới khi nhà đầu tư lác quác trước thông tin Fed tiếp tục giữ nguyên mức lãi suất 0%. Fitch Solution cho biết giá than sẽ đạt đỉnh trong quý 3 do nhu cầu tiêu thụ kỷ lục tại Trung Quốc, giúp giá cổ phiếu ngành than tăng ở TVD (+5.8%), THT (+2.8%). Theo Reuters, xuất khẩu gạo Châu Á có tín hiệu hồi phục khi nhu cầu tăng trở lại, giúp cổ phiếu ngành gạo tăng ở LTG (+4%), TAR (+2.7%). Cổ phiếu Hòa Phát tăng HPG (+2.7%) sau khi doanh nghiệp ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại CTCP Nội thất Hòa Phát, tương đương 99.6% cổ phần cho CTCP Nội thất Eden Việt Nam và ghi nhận lãi 498 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng ở VNM (+0.5%), MSN (-2.4%), FUEVFN (0.3%).

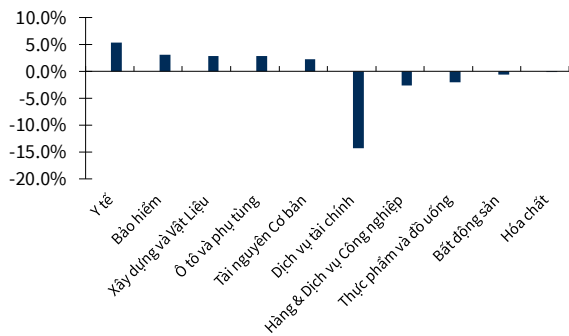
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -17.3**

## VNIndex & HNXIndex



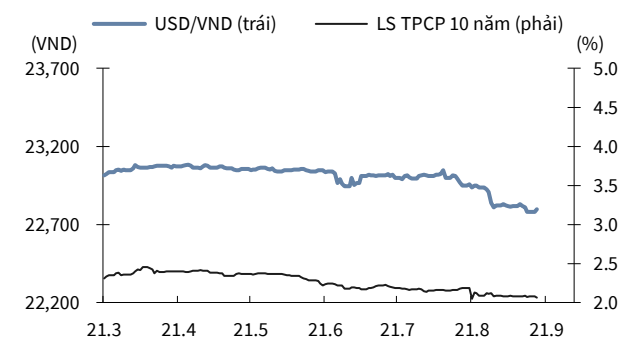
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



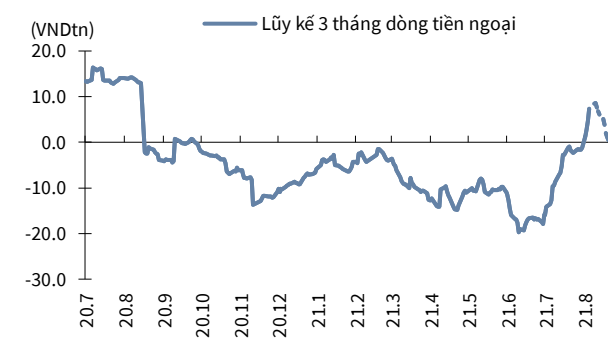
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



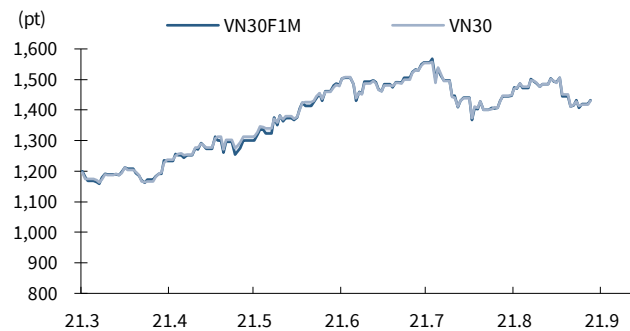
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,431.05 (+0.88%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,432.9 (+0.91%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,423.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,435.3</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,422.5</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>194,923 (-45.2%)</b>

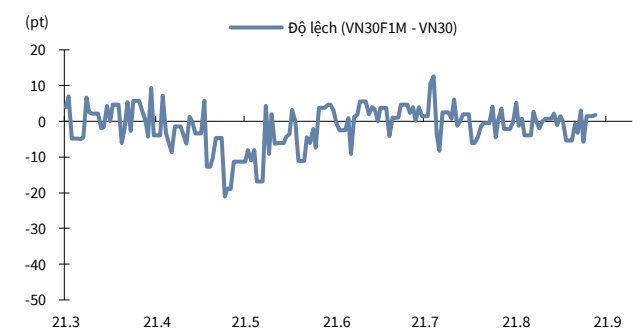
Các HĐTL đồng loạt tăng điểm, tương đồng với diễn biến tích cực của chỉ số VN30. Chênh lệch F2109 và VN30 mở cửa ở mức 4.63 điểm, sau đó diễn biến giằng co trong phiên, đạt mức cao nhất ngày tại 8.03 điểm và đóng cửa ở mức 1.85 điểm. Khối ngoại mua ròng trong phiên với thanh khoản thấp.

## HĐTL VN30F1M & VN30



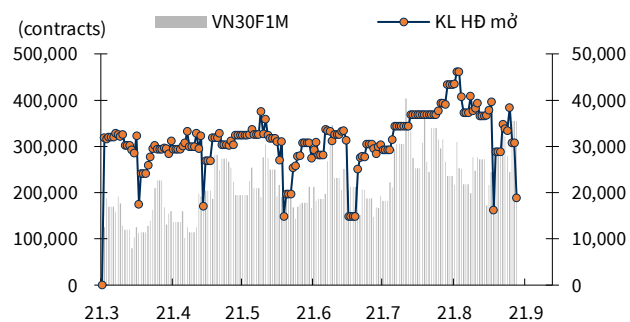
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



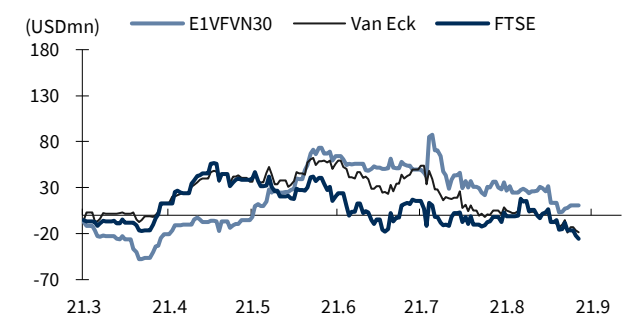
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

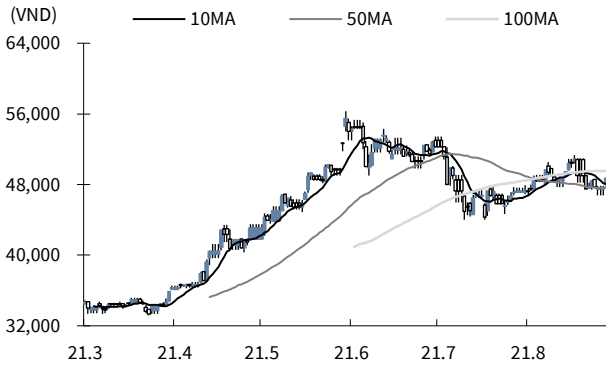
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Hòa Phát (HPG)

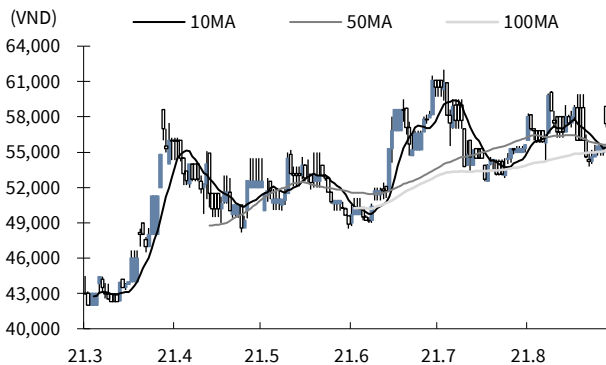


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 2.3% lên 48,700 VND/cp

- Hòa Phát ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại CTCP Nội thất Hòa Phát, tương đương 99.6% cổ phần cho CTCP Nội thất Eden Việt Nam và ghi nhận lãi 498 tỷ đồng.

## CTCP Chế biến Gỗ Đức Thành (GDT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GDT tăng 3.4% lên 57,400 VND/cp

- Gỗ Đức Thành thông báo ngày 17/9 đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông chia cổ tức đợt cuối 2020 tỷ lệ 20%, 1 cổ phiếu nhận 2,000 đồng, dự chi 35.4 tỷ đồng. Đồng thời, doanh nghiệp cũng dự kiến triển khai phương án phát hành 1.77 triệu cổ phiếu để thưởng từ vốn chủ sở hữu trong quý IV.

# CTCP FPT (FPT)

## 2Q2021, LNST tăng 16.2% YoY

Chuyên viên phân tích Tài chính & Công nghệ  
 Nguyễn Anh Tùng  
 tungna@kbsec.com.vn

27/08/2021

2Q2021, LNST đạt 1,260 tỷ VND, tăng 16.2% YoY

FPT đầu tư vào Interect International để mở rộng thị trường châu Mỹ

Triển vọng duy trì tăng trưởng tốt trong phần còn lại của năm 2021 và 2022

Khuyến nghị **NĂM GIỮ**, giá mục tiêu 104,300 VND/cp

2Q2021, FPT duy trì tăng trưởng tích cực với doanh thu đạt 9,642 tỷ VND, tăng 23.8% YoY ; LNST đạt 1,260 tỷ VND, tăng 16.2% YoY. Doanh thu tháng 7/2021 đạt 2,774 tỷ VND, tăng 1% YoY; LNTT tháng 7/2021 đạt 492 tỷ VND, tăng 13.4% YoY.

Nhằm đẩy mạnh hoạt động cung ứng giải pháp, dịch vụ công nghệ tại thị trường châu Mỹ, mới đây FPT Software đã công bố thương vụ đầu tư vào Intertect International vốn là doanh nghiệp hoạt động 20 năm trong ngành cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin. Hiện tại FPT đã sở hữu trên 5% Intertect International, mức giá đầu tư hiện không được công bố.

Cả 3 mảng kinh doanh chính của FPT đều đang tăng trưởng ổn định và không bị ảnh hưởng đáng kể bởi dịch Covid-19. KBSV kì vọng FPT sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trong nửa sau của năm 2021 và năm 2022.

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với cổ phiếu FPT. Giá mục tiêu là 104,300 VND/cp, cao hơn 13.6% so với giá tại ngày 27/08/2021.

## Năm Giữ

Giá mục tiêu	VND 104,300
Tăng/Giảm	13.6%
Giá hiện tại (27/08/2021)	VND 91,800
Giá mục tiêu thị trường	VND 82,000
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	82,942

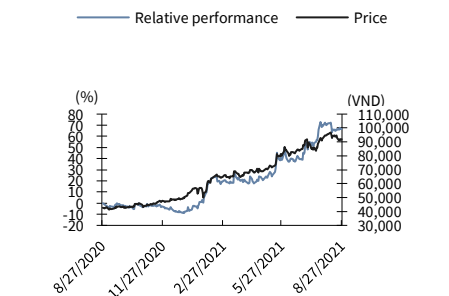
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	87.06%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	354/15.2
Sở hữu nước ngoài (%)	49%
Cơ cấu cổ đông	Trương gia Bình (7.07%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-3	14	43	117
Tương đối	-3	15	30	67

### Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2019A	2020A	2021F	2022F
Doanh thu thuần (Tỷ VND)	27,717	29,830	34,777	39,918
Tốc độ tăng trưởng (%)	19.40%	7.63%	16.58%	14.78%
Lợi nhuận gộp (tỷ VND)	10,712	11,814	13,772	15,808
Biên lợi nhuận gộp (%)	38.65%	39.60%	39.60%	39.60%
Lợi nhuận ròng (tỷ VND)	3,912	4,424	5,249	6,023
Tốc độ tăng trưởng (%)	20.96%	13.09%	18.66%	14.74%
EPS (VND)	4,622	4,513	4,626	5,308
Tăng trưởng EPS	8.24%	-2.36%	2.51%	14.74%
P/E	19.9	20.3	19.8	17.3

Nguồn: Bloomberg, KBSV

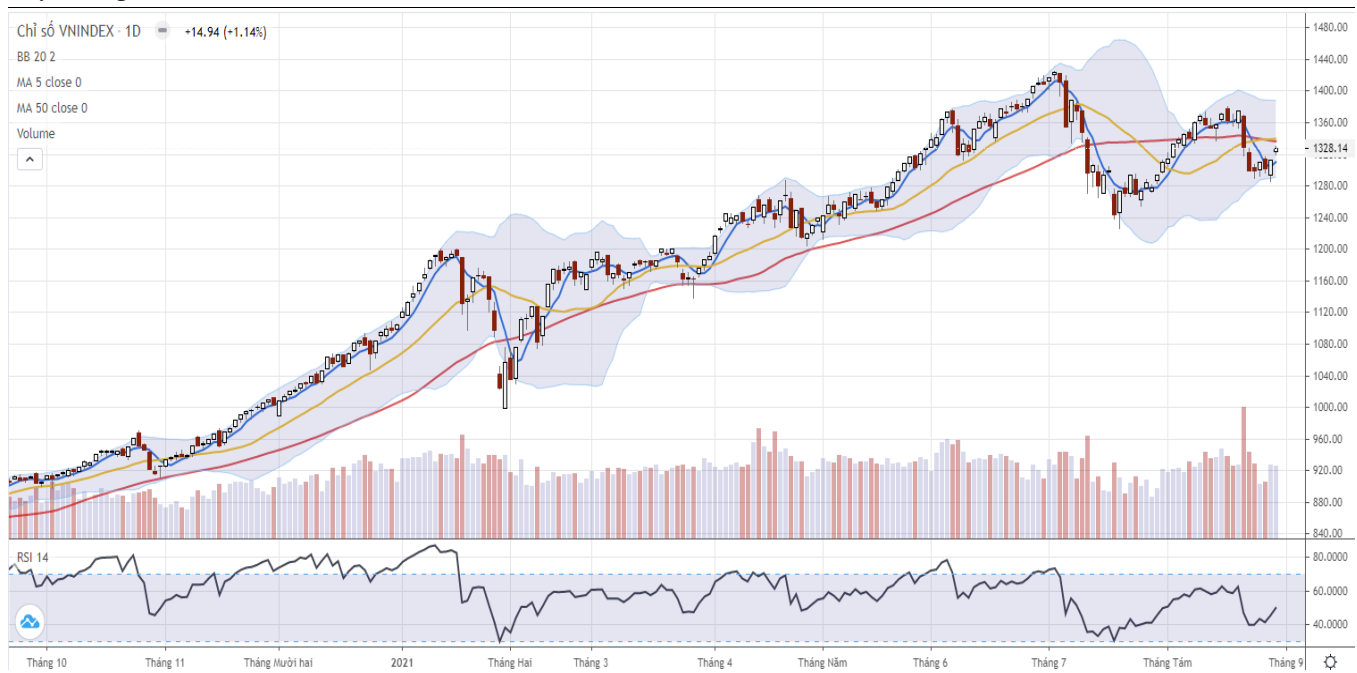


Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



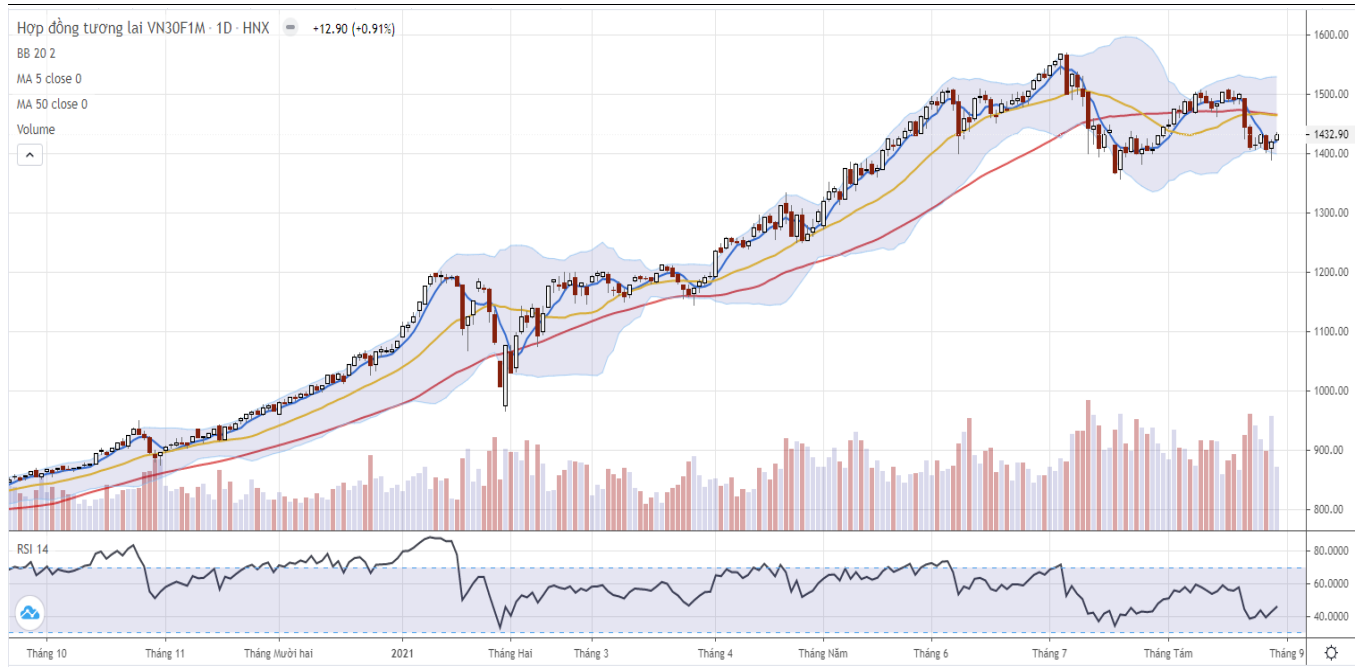
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng điểm ngay từ đầu phiên và duy trì nhịp tăng tích cực đến cuối phiên.
- Sau 2 phiên hồi phục tích cực, áp lực chốt lời ngắn hạn có thể sẽ gia tăng tại vùng giá cao trong các phiên kế tiếp và các nhịp rung lắc sẽ sớm xuất hiện. Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng rủi ro điều chỉnh mạnh sẽ chưa đáng ngại chừng nào chỉ số chưa tiếp cận các vùng cản đáng chú ý, gần là quanh 1340 và tích cực hơn là quanh 1360.
- NĐT được khuyến nghị áp dụng chiến lược linh hoạt bán quay vòng từng phần vị thế ngắn hạn (đã được mở lại theo khuyến nghị trong các phiên trước), khi chỉ số tiếp cận các vùng cản để tối ưu giá vốn cho vị thế nắm giữ trung hạn.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1446 - 1451

Kháng cự gần: 1437 - 1442

Hỗ trợ gần: 1425 - 1427

Hỗ trợ xa: 1414 - 1419

- F1 duy trì đà tăng điểm khá tích cực về cuối phiên mặc dù trải qua một vài nhịp rung lắc mạnh trong phiên.
- Sau 2 phiên hồi phục tích cực, các nhịp rung lắc mạnh hơn sẽ xuất hiện trong các phiên tới, gây áp lực cho đà tăng điểm của chỉ số. Mặc dù vậy, với xu hướng hồi phục đóng vai trò chủ đạo, rủi ro điều chỉnh mạnh chỉ trở nên hiện hữu sau khi F1 thử thách các vùng cản đáng chú ý, gần là quanh 1440 và tích cực hơn là 146x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Quay lại chiến lược trading linh hoạt 2 chiều, LONG tại hỗ trợ và SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ mở thêm vị thế LONG nếu về lại vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

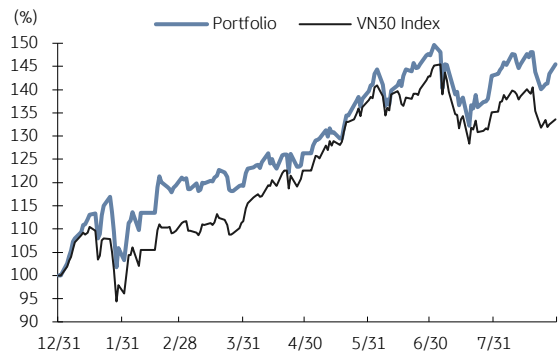
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.88%	1.43%
Tăng lũy kế (YTD)	33.65%	45.52%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 30/08/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	110,600	0.9%	43.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	43,500	2.6%	77.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	86,400	0.7%	12.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,400	1.4%	125.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	65,000	0.0%	91.2%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	92,200	0.2%	216.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,300	3.7%	70.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	87,500	0.6%	19.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	48,700	2.3%	236.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	40,150	1.9%	193.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCB	1.5%	23.5%	80.0
CTG	3.7%	24.4%	69.5
MBB	1.4%	22.4%	62.6
SSI	2.0%	47.0%	41.2
DGC	2.9%	7.8%	31.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	0.5%	54.9%	-210.6
MSN	-2.4%	33.2%	-194.7
FUEVFNVD	0.3%	95.9%	-108.8
PNJ	0.7%	49.0%	-34.6
VIC	-0.7%	14.8%	-34.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	3.2%	3.8%	6.1
PVS	2.0%	7.3%	6.3
SHS	1.5%	9.0%	4.0
TC6	4.1%	4.4%	2.7
C69	9.6%	0.0%	2.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
BCC	2.8%	2.4%	-3.4
IDJ	7.5%	2.5%	-2.6
CDN	-2.8%	20.7%	-3.3
VNR	8.5%	32.1%	0.2
HUT	4.6%	2.8%	-1.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	11.4%	DHG, TRA
Bảo hiểm	7.8%	BVH, BIC
Hóa chất	6.3%	GVR, DGC
Xây dựng và Vật Liệu	5.8%	PC1, HT1
Bán lẻ	5.3%	MWG, PET

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-17.6%	VND, BSI
Truyền thông	-2.1%	YEG, ADG
Bất động sản	-0.5%	DXS, VIC
Ngân hàng	1.2%	CTG, MBB
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.2%	PNJ, TCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	16.2%	DHG, TRA
Hóa chất	12.9%	GVR, DPM
Xây dựng và Vật Liệu	12.3%	VGC, HT1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.5%	REE, GMD
Bảo hiểm	7.1%	BVH, BIC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-3.1%	PLX, PVD
Dịch vụ tài chính	-2.6%	VND, BSI
Ngân hàng	-2.6%	BID, ACB
Thực phẩm và đồ uống	-1.8%	PAN, SAB
Truyền thông	-1.3%	YEG, ADG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USD Mn)	GTGD (VNĐ triệu, USD Mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E			20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	299,268 (13.1)	22.5	59.9	58.6	14.7	7.0	8.0	4.0	3.7	-0.7	-2.2	-1.2	-2.2	
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	1,365,314 (59.8)	26.6	11.4	10.1	35.9	28.3	27.0	3.1	2.4	0.0	-0.3	-1.3	19.4	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	131,083 (5.7)	17.8	25.7	18.9	-7.6	7.5	10.0	2.0	1.8	1.5	4.4	-1.6	-13.4	
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	301,818 (13.2)	31.3	35.6	25.7	6.7	16.0	14.5	4.4	4.1	0.2	-0.9	0.0	116.2	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	153,099 (6.7)	11.6	22.6	16.1	18.0	12.9	15.8	2.6	2.2	0.9	3.9	-2.9	48.3	
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	151,186 (6.6)	13.9	12.8	7.5	-	14.8	21.1	1.6	1.3	2.8	6.2	3.2	39.5	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	143,452 (6.3)	6.3	16.7	14.0	11.7	21.1	20.9	3.2	2.6	1.5	2.1	1.3	1.4	
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	94,592 (4.1)	12.7	16.2	12.4	-5.3	12.2	14.5	1.8	1.7	1.9	0.4	-4.0	-17.6	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	886,884 (38.8)	0.0	10.3	8.5	14.3	20.5	20.3	1.9	1.6	2.4	0.9	-3.7	56.2	
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	556,326 (24.3)	1.4	9.3	7.4	61.1	18.6	20.0	1.7	1.4	3.7	-1.2	-6.1	20.7	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	602,227 (26.3)	0.0	9.7	10.0	18.8	23.6	16.8	1.9	1.5	0.7	1.7	1.0	89.5	
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	512,811 (22.4)	0.0	9.1	7.5	14.6	22.1	21.7	1.6	1.4	1.4	-0.7	-1.7	68.2	
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	93,960 (4.1)	4.2	9.7	8.0	23.3	21.5	20.9	1.8	1.5	0.8	-0.7	-1.0	40.5	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	725,880 (31.7)	14.0	19.1	13.9	26.5	10.3	12.2	-	1.5	2.2	3.3	-6.7	65.1	
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	168,714 (7.4)	0.0	7.7	6.3	37.5	23.7	22.5	1.6	1.3	1.9	2.5	-1.0	29.3	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	12,519 (0.5)	0.2	36.9	20.0	27.3	5.8	10.0	1.8	1.7	3.7	6.3	-3.4	32.5		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	51,915 (2.3)	21.0	23.8	21.1	15.2	8.4	9.0	1.9	1.8	3.0	5.8	7.6	-16.7	
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	36,324 (1.6)	14.2	12.2	-	9.1	13.1	-	1.6	-	1.9	8.1	3.3	35.7	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	955,103 (41.8)	55.4	-	-	-3.2	-	-	-	-	2.0	-1.6	14.3	88.5	
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	373,916 (16.4)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	1.8	-2.1	22.3	109.3	
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	370,497 (16.2)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	3.7	-2.8	16.0	76.8	
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	626,595 (27.4)	27.2	11.1	18.8	36.3	21.3	17.0	3.7	3.4	0.0	-5.1	9.8	169.5	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	303,064 (13.3)	42.1	18.3	16.9	4.0	32.7	33.9	5.6	5.5	0.5	1.6	1.5	-19.7	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	33,816 (1.5)	36.9	21.9	18.4	7.3	21.2	21.8	4.0	3.4	-0.9	5.1	-7.4	-24.5	
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	180,338 (7.9)	16.5	48.7	27.8	-51.9	14.3	22.2	8.0	6.2	-2.4	4.4	-1.0	49.2	
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	56,414 (2.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.2	4.5	-7.0	-50.4	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	104,166 (4.6)	11.0	169.2	25.9	-88.5	3.8	16.6	3.7	3.1	0.1	5.5	12.3	1.5	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	225,531 (9.9)	10.8	30.1	21.2	-57.0	8.6	12.0	2.5	2.3	1.4	9.5	12.4	58.9	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	53,347 (2.3)	38.4	14.3	8.6	65.7	11.1	9.9	1.1	1.0	5.8	4.0	13.4	-14.7	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	55,990 (2.4)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	2.7	0.6	-0.8	94.9	
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	225,749 (9.9)	37.7	16.9	11.7	-12.7	12.1	12.7	-	-	-0.4	-1.3	4.4	32.1	
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	39,920 (1.7)	3.6	19.7	14.5	-52.4	3.2	4.3	0.6	0.6	4.2	6.3	9.7	-11.1	
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	70,143 (3.1)	0.0	12.0	10.3	-4.5	14.2	13.9	1.6	1.4	0.0	12.1	18.2	32.8	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	108,744 (4.8)	46.1	18.9	14.7	-17.5	18.4	21.7	3.4	3.2	0.6	2.0	-2.3	1.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	10,526 (0.5)	31.4	18.8	12.1	-10.5	8.2	13.2	1.6	1.7	2.0	8.0	12.7	-15.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	8,008 (0.4)	34.1	19.3	11.5	-5.1	7.9	13.9	1.6	1.6	2.7	10.2	11.2	1.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,257,088 (55.0)	18.0	7.4	7.4	21.9	39.2	28.6	2.4	1.8	2.3	2.5	3.0	58.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	234,513 (10.3)	36.5	14.8	18.8	-0.5	12.6	9.1	1.6	1.6	-1.2	-2.3	42.3	93.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	150,833 (6.6)	46.5	19.5	18.6	-4.5	11.3	10.9	2.0	2.0	0.0	0.4	21.8	75.7
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	447,012 (19.6)	38.9	4.7	6.4	67.9	47.9	25.6	1.8	1.4	3.8	5.9	6.4	97.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	126,435 (5.5)	97.2	10.8	11.0	17.2	10.3	9.9	1.1	1.1	-0.8	5.4	9.6	22.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	82,307 (3.6)	4.6	17.9	15.1	-51.0	16.2	16.6	2.5	2.5	0.1	2.2	-3.4	-9.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	123,540 (5.4)	39.9	82.5	21.8	-11.9	0.5	2.8	0.6	0.6	3.0	9.3	3.6	16.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	133,035 (5.8)	35.9	9.8	9.3	1.2	14.3	14.2	1.4	1.3	0.2	10.0	18.9	57.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	182,418 (8.0)	0.0	16.5	13.2	13.7	25.4	26.6	3.9	3.3	1.2	4.9	1.1	39.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	48,551 (2.1)	0.0	18.3	14.5	2.4	20.2	23.4	3.4	2.9	0.7	-2.4	-9.8	6.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	6,710 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.3	-3.8	-0.6	-66.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	116,238 (5.1)	30.3	33.1	21.7	-75.2	8.1	11.8	2.6	2.4	1.2	9.5	10.5	29.4
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	35,106 (1.5)	34.6	16.5	9.2	41.2	15.4	27.4	2.1	2.1	3.8	4.0	4.4	-17.5
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,111 (0.1)	45.4	19.3	18.2	10.7	20.6	20.3	3.7	3.3	7.0	14.2	16.0	4.4
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	125 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	2.5	2.5	-1.8	8.5
	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	296,499 (13.0)	0.0	20.8	17.7	15.5	23.9	25.2	4.4	4.0	0.2	1.3	-1.9	79.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.